

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1387/2005/QĐ-TTg

*Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2005*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Xử lý các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư  
trái pháp luật do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố  
trực thuộc Trung ương ban hành**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 12 tháng 11 năm 1996  
và Luật số 02/2002/QH11 ngày 16 tháng 12 năm 2002 sửa đổi, bổ sung một số  
điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy  
ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 135/2003/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2003 của Chính  
phủ về kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Bộ trưởng các Bộ: Tài chính tại Công văn số 11236/BTC-PC  
ngày 07 tháng 9 năm 2005, Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 5834/BKH-PTDN  
ngày 29 tháng 8 năm 2005, Tư pháp tại Báo cáo số 2451/BC-BTP ngày 17 tháng 8  
năm 2005, Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 70/BC-BTNMT ngày 01 tháng  
8 năm 2005, Thương mại tại Công văn số 5466/TM-KH-ĐT ngày 08 tháng 11 năm  
2005, Nội vụ tại Công văn số 3275/BNV-TT ngày 11 tháng 11 năm 2005 và Bộ  
trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Về hiệu lực của các quy định trái pháp luật**

1. Đình chỉ hiệu lực thi hành các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật do Ủy ban nhân dân 31 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành nêu trong Danh mục tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật trong các văn bản được nêu và chưa được nêu trong Danh mục tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này đã được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành văn bản khác để bãi bỏ, hủy bỏ hoặc thay thế trước ngày Quyết định này có hiệu lực thì hiệu lực thi hành của các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật được chấm dứt theo quy định tại các văn bản bãi bỏ, hủy bỏ hoặc thay thế.

## **Điều 2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Ủy ban nhân dân 32 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (trong đó có thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang được chia, tách từ tỉnh Cần Thơ cũ) nêu trong Danh mục tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này có trách nhiệm hủy bỏ, bãi bỏ ngay các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật đã ban hành.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

a) Tự rà soát, đình chỉ việc thi hành, đồng thời bãi bỏ, hủy bỏ ngay các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật đã ban hành chưa được nêu trong Danh mục tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này;

b) Lập danh mục các giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư có quy định trái pháp luật đã được Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cấp cho nhà đầu tư trước ngày 01 tháng 01 năm 2006 theo Mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp và Văn phòng Chính phủ để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định;

c) Báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện khoản 1 (nếu có), các điểm a và b khoản 2 Điều này trước ngày 01 tháng 3 năm 2006.

## **Điều 3. Trách nhiệm của các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan có liên quan**

1. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng, Chủ

nhiệm Văn phòng Chính phủ và Thủ trưởng các Bộ, ngành, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này, báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện trước ngày 01 tháng 7 năm 2006;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Thương mại, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và Thủ trưởng các Bộ, ngành, cơ quan liên quan tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư theo hướng phù hợp với Luật Đầu tư đã được Quốc hội Khóa XI kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ trưởng Bộ Tư pháp và Thủ trưởng các Bộ, ngành, cơ quan liên quan, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản trái pháp luật hướng dẫn các cơ quan, người có trách nhiệm nghiêm khắc kiểm điểm trách nhiệm đối với các cơ quan, cán bộ, công chức trong việc tham mưu, soạn thảo, thẩm định, trình, thông qua, ký và ban hành văn bản có quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật.

#### **Điều 4. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**THỦ TƯỚNG**

**Phan Văn Khải**

**PHỤ LỤC I****DANH MỤC**

**Các văn bản có quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư trái pháp luật do Ủy ban nhân dân 31 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành bị xử lý**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)

<b>Số thứ tự</b>	<b>Tên văn bản có quy định trái pháp luật</b>	<b>Nội dung phải xử lý</b>
1	<b>Tỉnh Cao Bằng</b> 1. Quyết định số 3097/2004/QĐ-UB ngày 06/12/2004 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành một số cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh. 2. Quyết định số 1079/2004/QĐ-UB ngày 25/6/2004 của UBND tỉnh Cao Bằng ban hành một số chính sách đối với khu kinh tế cửa khẩu.	Hủy bỏ Điều 16 bản Cơ chế, chính sách ban hành kèm theo Quyết định.  Hủy bỏ điểm a khoản 1 Điều 13 của Quy định tạm thời ban hành kèm theo Quyết định.
2	<b>Tỉnh Lào Cai</b> 3. Quyết định số 496/QĐ-UB ngày 25/10/2002 của UBND tỉnh ban hành chính sách ưu đãi đầu tư vào 4 khu công nghiệp trọng điểm thuộc khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.	Hủy bỏ khoản 1 và gạch đầu dòng thứ hai khoản 5 Điều 2 của Quyết định.
3	<b>Tỉnh Yên Bái</b> 4. Quyết định số 36/2003/QĐ-UB ngày 18/02/2003 của UBND tỉnh Yên Bái về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư tại tỉnh Yên Bái.	Hủy bỏ các điều 5, 7, 14 và các điểm a, b và c khoản 1 Điều 16 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
4	<b>Tỉnh Điện Biên</b> 5. Quyết định số 33/2003/QĐ-UB ngày 06/5/2003 của UBND tỉnh Lai Châu cũ ban hành	Bãi bỏ các điểm c, d, e khoản 2 Điều 17 của

Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
	<p>Quy chế quản lý và chính sách ưu đãi khu du lịch Pá Khoang (của tỉnh Lai Châu cũ).</p> <p>6. Quyết định số 46/2004/QĐ-UB ngày 06/8/2004 của UBND tỉnh Điện Biên về việc ban hành Quy định ưu đãi khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Điện Biên.</p>	<p>Quy chế ban hành kèm theo Quyết định.</p> <p>Hủy bỏ điểm 3.2 khoản 3 Điều 4 và Điều 5 Quy định tạm thời kèm theo Quyết định.</p>
5	<p><b>Tỉnh Quảng Ninh</b></p> <p>7. Quyết định số 2045/2004/QĐ-UB ngày 18/6/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích các hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh.</p> <p>8. Quyết định số 445/2001/QĐ-UB ngày 02/3/2001 của UBND tỉnh về việc ban hành một số chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào khu công nghiệp Cái Lân tỉnh Quảng Ninh.</p>	<p>Hủy bỏ khoản 2.1 Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p> <p>Hủy bỏ Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
6	<p><b>Tỉnh Bắc Giang</b></p> <p>9. Quyết định số 34/2002/QĐ-UB ngày 07/3/2002 của UBND tỉnh về việc ban hành "Quy định ưu đãi, khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2002 - 2010".</p>	<p>Hủy bỏ khoản 2 Điều 10 và điểm b khoản 3 Điều 15 của Quy định kèm theo Quyết định.</p>
7	<p><b>Tỉnh Bắc Ninh</b></p> <p>10. Quyết định số 107/2002/QĐ-UB ngày 30/8/2002 của UBND tỉnh ban hành Quy định về ưu đãi, khuyến khích đầu tư vào các khu du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.</p>	<p>Hủy bỏ các điều 5 và 8 của Quy định kèm theo Quyết định.</p>
8	<p><b>Tỉnh Vĩnh Phúc</b></p> <p>11. Quyết định số 2475/2002/QĐ-UB của UBND tỉnh Vĩnh phúc ngày 09/7/2002 ban hành Quy định ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.</p>	<p>Hủy bỏ Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>

Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
9	<p><b>Tỉnh Hòa Bình</b></p> <p>12. Quyết định số 31/2002/QĐ-UB ngày 25/11/2002 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về ưu đãi đầu tư và thủ tục cấp giấy phép đầu tư đối với các dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài, các dự án đầu tư trong nước vào tỉnh Hòa Bình.</p>	<p>Hủy bỏ điểm d khoản 2 Mục I của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
10	<p><b>Tỉnh Hà Tây</b></p> <p>13. Quyết định số 15/2005/QĐ-UB ngày 12/01/2005 của UBND tỉnh Hà Tây ban hành Quy định về một số chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Hủy bỏ điểm 2.3 khoản 2 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
11	<p><b>Tỉnh Thái Bình</b></p> <p>14. Quyết định số 52/2002/QĐ-UB ngày 25/7/2002 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư tại Thái Bình.</p>	<p>Hủy bỏ các khoản 6 và 7 Điều 2 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
12	<p><b>Tỉnh Nam Định</b></p> <p>15. Quyết định số 2816/2001/QĐ-UB ngày 29/11/2001 của UBND tỉnh về việc ban hành một số cơ chế chính sách khuyến khích đầu tư phát triển KCN phía Tây TP Nam Định.</p>	<p>Hủy bỏ Điều 10 của Quy định một số cơ chế chính sách ban hành kèm theo Quyết định.</p>
13	<p><b>Tỉnh Ninh Bình</b></p> <p>16. Quyết định số 568/2002/QĐ-UB ngày 10/4/2002 của UBND tỉnh ban hành Quy định về ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>Hủy bỏ Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
	<p>17. Quyết định số 532/2004/QĐ-UB ngày 11/3/2004 của UBND tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp Gián Khẩu.</p>	<p>Hủy bỏ Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>

Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
14	<b>Tỉnh Thanh Hóa</b> 18. Quyết định số 975/2002/QĐ-UB ngày 03/4/2002 về chính sách ưu đãi khuyến khích đầu tư vào KCN Nghi Sơn. 19. Quyết định số 467/2003/QĐ-UB ngày 12/02/2003 về việc ban hành Quy định tạm thời một số chính sách khuyến khích phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ khoản 1 Điều 2 của Quyết định. Hủy bỏ Điều 8 của Quy định tạm thời ban hành kèm theo Quyết định.
15	<b>Tỉnh Hà Tĩnh</b> 20. Quyết định số 2632/QĐ-UB-CN2 ngày 11/11/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.	Hủy bỏ các điều 4, 6 và 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
16	<b>Tỉnh Thừa Thiên - Huế</b> 21. Quyết định số 1546/QĐ-UB ngày 12/6/2002 của UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư và hỗ trợ sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ khoản 4 Điều 3 và Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
17	<b>Tỉnh Quảng Nam</b> 22. Quyết định số 13/2003/QĐ-UB ngày 30/01/2003 của UBND tỉnh về cơ chế ưu đãi khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Nam. 23. Quyết định số 40/2003/QĐ-UB ngày 14/5/2003 về ban hành cơ chế ưu đãi khuyến khích đầu tư và quản lý Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.	Hủy bỏ các khoản 1, 2 Điều 5; Điều 6; các khoản 3 và 4 Điều 7 và Điều 10 của Cơ chế ban hành kèm theo Quyết định. Hủy bỏ Điều 8 của cơ chế ban hành kèm theo Quyết định.

Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
18	<p><b>Tỉnh Quảng Ngãi</b></p> <p>24. Quyết định số 02/2002/QĐ-UB ngày 04/01/2002 về việc ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư vào Khu Công nghiệp Dung Quất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2002 - 2005).</p> <p>25. Quyết định số 03/2002/QĐ-UB ngày 04/01/2002 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư vào các KCN của tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 2002 - 2005).</p> <p>26. Quyết định số 93/2003/QĐ-UB ngày 16/5/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư phát triển các khu du lịch, điểm du lịch của tỉnh.</p> <p>27. Quyết định số 94/2003/QĐ-UB ngày 20/5/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.</p>	<p>Hủy bỏ điểm b khoản 2 Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p> <p>Hủy bỏ khoản 1 Điều 8, Điều 10 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p> <p>Hủy bỏ khoản a Điều 5 và Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p> <p>Hủy bỏ khoản 1 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
19	<p><b>Tỉnh Gia Lai</b></p> <p>28. Quyết định số 451/QĐ-UB ngày 11/6/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định khuyến khích và hỗ trợ đầu tư áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.</p>	<p>Hủy bỏ khoản 2 Điều 6, Điều 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>
20	<p><b>Tỉnh Đắk Lắk</b></p> <p>29. Quyết định số 3730/2001/QĐ-UB ngày 30/11/2001 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích và bảo đảm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Đắk Lắk.</p>	<p>Hủy bỏ Điều 3 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.</p>



Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
21	<b>Tỉnh Đắk Nông</b> 30. Quyết định số 440/QĐ-UB ngày 07/5/2004 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư phát triển công nghiệp, du lịch trên địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ khoản 2 Điều 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
22	<b>Tỉnh Lâm Đồng</b> 31. Quyết định số 126/2002/QĐ-UB ngày 16/9/2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc ban hành một số chính sách ưu đãi đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng. 32. Quyết định số 129/2002/QĐ-UB ngày 16/9/2002 của UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành một số chính sách ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh.	Bãi bỏ điểm 1 Mục I của Chính sách ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Quyết định. Hủy bỏ điểm 1.1 khoản 1 và khoản 2 Mục II của bản Chính sách ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Quyết định.
23	<b>Tỉnh Phú Yên</b> 33. Quyết định số 1217/2003/QĐ-UB ngày 23/5/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về chính sách khuyến khích đầu tư phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và làng nghề trên địa bàn tỉnh Phú Yên. 34. Quyết định số 1228/2003/QĐ-UB ngày 26/5/2003 về việc ban hành Quy định cơ chế hoạt động và biện pháp khuyến khích đầu tư tại các cụm - điểm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.	Hủy bỏ các điều 4 và 5 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định. Hủy bỏ các điều 12 và 15 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
24	<b>Tỉnh Khánh Hòa</b> 35. Quyết định số 125/2004/QĐ-UB ngày 10/5/2004 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư áp dụng cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ các điều 10, 11 và 12 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
	36. Quyết định số 126/2004/QĐ-UB ngày 10/5/2004 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư trong nước trên địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
	37. Quyết định số 127/2004/QĐ-UB ngày 10/5/2004 của UBND tỉnh ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài tại địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ các điều 4 và 7 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
25	<b>Tỉnh Bình Thuận</b> 38. Quyết định số 50/2003/QĐ-UB ngày 01/8/2003 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định chính sách thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2003 - 2010.	Hủy bỏ khoản 3 Điều 4, các điều 7 và 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
26	<b>Tỉnh Long An</b> 39. Quyết định số 2613/2004/QĐ-UB ngày 04/8/2004 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư trong nước và nước ngoài đầu tư tại tỉnh Long An.	Hủy bỏ các điều 4 và 6 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
27	<b>Tỉnh Vĩnh Long</b> 40. Quyết định số 2642/2003/QĐ-UB ngày 19/8/2003 của UBND tỉnh về việc Quy định "Chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư của tỉnh Vĩnh Long".	Hủy bỏ khoản 2 Điều 15 và khoản 3 mục I Điều 19 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
28	<b>Tỉnh Cần Thơ cũ (nay là thành phố Cần Thơ và tỉnh Hậu Giang)</b> 41. Quyết định số 45/2001/QĐ-UB ngày 08/6/2001 của UBND tỉnh Cần Thơ cũ về việc ban hành Quy định thực hiện một số chính sách khuyến khích và ưu đãi đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Cần Thơ cũ.	Hủy bỏ điểm b, khoản 3, Điều 8 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

Số thứ tự	Tên văn bản có quy định trái pháp luật	Nội dung phải xử lý
	42. Quyết định số 03/2002/QĐ-UB ngày 11/01/2002 của UBND tỉnh Cần Thơ (cũ) sửa đổi bổ sung Quyết định số 45/2001/QĐ-UB ngày 08/6/2001 của UBND tỉnh Cần Thơ (cũ).	Bãi bỏ địa bàn ưu đãi đầu tư tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định.
29	<b>Tỉnh Bến Tre</b> 43. Quyết định số 1981/2004/QĐ-UB ngày 01/6/2004 ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh.	Hủy bỏ điểm b khoản 1 Điều 4 (ghi sai danh mục địa bàn) của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
	44. Quyết định số 1996/2004/QĐ-UB ngày 02/6/2004 ban hành một số chính sách đầu tư vào khu công nghiệp Giao Long.	Hủy bỏ khoản 2 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.
30	<b>Tỉnh Bạc Liêu</b> 45. Quyết định số 30/2003/QĐ-UB ngày 13/10/2003 của UBND tỉnh ban hành chính sách thu hút đầu tư.	Hủy bỏ điểm b khoản 1 các điểm a, b khoản 3 Mục I của Chính sách ban hành kèm theo Quyết định.
31	<b>Tỉnh Cà Mau</b> 46. Quyết định số 92/2003/QĐ-UB ngày 31/12/2003 của UBND tỉnh ban hành Quy định chính sách khuyến khích đầu tư trên địa bàn tỉnh Cà Mau.	Hủy bỏ điểm 2.1.1 khoản 2 Điều 4 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định.

## PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1387/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)

### UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

### DANH MỤC

**GIẤY PHÉP ĐẦU TƯ, GIẤY CHỨNG NHẬN ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ CÓ QUY ĐỊNH TRÁI PHÁP LUẬT ĐÃ ĐƯỢC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH (THÀNH PHỐ) CẤP CHO NHÀ ĐẦU TƯ TRƯỚC NGÀY 01/01/2006**

Số thứ tự	Tên dự án, doanh nghiệp, địa bàn đầu tư và lĩnh vực hoạt động	Ưu đãi đã ghi trên giấy chứng nhận UĐĐT hoặc giấy phép đầu tư		Ưu đãi dự án đã thực được hưởng			Dự tính số ưu đãi đầu tư dự án tiếp tục được hưởng theo giấy chứng nhận UĐĐT hoặc giấy phép đầu tư đã cấp			Ghi chú
		Ưu đãi được hưởng theo quy định chung của pháp luật (ưu đãi đúng quy định)	Phần ưu đãi vượt trội thêm của địa phương so với quy định chung (phần ngoài quy định của Chính phủ)	Số năm dự án đã được hưởng ưu đãi	Ưu đãi theo quy định chung của pháp luật (ưu đãi đúng quy định)	Phần ưu đãi vượt trội thêm của địa phương so với quy định chung (phần ngoài quy định của Chính phủ)	Số năm dự án còn được hưởng ưu đãi ghi trên giấy chứng nhận UĐĐT hoặc giấy phép đầu tư	Ưu đãi theo quy định chung của pháp luật (ưu đãi đúng quy định)	Phần ưu đãi vượt trội thêm của địa phương so với quy định chung (phần ngoài quy định của Chính phủ)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

